TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH SƠN** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DS-ST
Ngày 12/4/2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đô.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Quốc Thìn;

2. Bà Phạm Thị Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quang Bình, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2020/TLST-DS ngày 22/12/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2021/QĐXXST-DS ngày 22/3/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST-DS ngày 02/4/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Á, sinh năm 1969; địa chỉ: Tổ X (trước đây là Tổ Y), phường N, thành phố Qi, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh năm 1970 và anh Hồ Anh Ph, sinh năm 1994; cùng địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn C, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 01/12/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Á (sau đây viết tắt là bà Á) trình bày:*

Bà và Bà Nguyễn Thị Quỳnh N (sau đây viết tắt là bà Ng), anh Hồ Anh Ph (sau đây viết tắt là anh Ph) có mối quan hệ làm ăn quen biết. Vào ngày 12/12/2016, bà Ng và anh Ph có mượn của bà số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và có ghi giấy mượn tiền, hứa sẽ trả nợ hàng tháng với mức lãi suất ngân hàng trong vòng 03 năm. Tuy nhiên, sau khi vay tiền thì bà Ng, anh Ph không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận; bà đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà Ng, anh Ph không trả nợ.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ng và anh Ph trả cho bà số tiền 189.000.000 đồng (một trăm tám mươi chín triệu đồng), trong đó tiền gốc là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày vay (12/12/2016) đến ngày 12/12/2020 với mức lãi suất là 6,5%/năm là 39.000.000 đồng (ba mươi chín triệu đồng).

** Bị đơn là Bà Nguyễn Thị Quỳnh N, anh Hồ Anh Ph đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa và không có văn bản trình bày ý kiến.*

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định về trình tự, thủ tục phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Á; buộc bà Ng, anh Ph trả cho bà Á số tiền 189.000.000 đồng (một trăm tám mươi chín triệu đồng), trong đó tiền gốc là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày vay (12/12/2016) đến ngày 12/12/2020 là 39.000.000 đồng (ba mươi chín triệu đồng); bà Ng và anh Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn là bà Á vắng mặt tại phiên tòa, có đề nghị xét xử vắng mặt; Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn bà Ng và anh Ph vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[1.2] Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Ng, anh Ph nhưng bà Ng, anh Ph không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ và không đến Tòa án làm việc, hòa giải, xét xử. Căn cứ vào Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo các tài liệu chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà Á cho rằng ngày 12/12/2016 bà Ng và anh Ph có vay của bà số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), thỏa thuận trả nợ hàng tháng với mức lãi suất ngân hàng trong vòng 03 năm; sau khi vay thì bà Ng, anh Ph không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi; bà Á cũng đã yêu cầu bà Ng, anh Ph trả nợ nhưng bà Ng, anh Ph cố tình không trả; chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, bà Á cung cấp cho Tòa án giấy mượn tiền ngày 12/12/2016.

[2.2] Theo giấy mượn tiền ngày 12/12/2016 do bà Ng giao nộp thể hiện ngày 12/12/2016 bà Ng, anh Ph có mượn của bà Á số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), trả nợ hàng tháng theo mức lãi suất ngân hàng trong thời hạn 03 năm.

Bà Ng và anh Ph không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Á, không có ý kiến phản đối các tình tiết, sự kiện mà bà Á đưa ra. Căn cứ quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì các tình tiết, sự kiện mà bà Á đưa ra không phải chứng minh; do đó, Hội đồng xét xử xác định các tình tiết bà Ng và anh Ph có vay của bà Á số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), sau khi vay thì bà Ng và anh Ph là bên vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi và hiện nay vẫn còn nợ gốc là 150.000.000 đồng, nợ lãi từ ngày vay (12/12/2016) đến ngày 12/12/2020 tổng cộng là 39.000.000 đồng như bà Á trình bày là sự thật.

[2.3] Sau khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử sơ thẩm thì bà Ng và anh Ph vẫn chưa trả nợ cho bà Á; điều này đã thể hiện bà Ng và anh Ph không có thiện chí thực hiện nghĩa vụ trả nợ của mình trong hợp đồng vay tài sản. Vì vậy, bà Á khởi kiện yêu cầu bà Ng và anh Ph trả số tiền nợ gốc và nợ lãi (tính từ ngày 12/12/2016 đến ngày 12/12/2020 với mức lãi suất 6,5%/năm, thành tiền là 39.000.000 đồng) như đã nêu trên là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005 và các Điều 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[2.4] Theo bà Á trình bày thì khi vay tiền, bà Ng, anh Ph có giao bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (từ thường dùng là sổ đỏ) của bà Ng cho bà Á giữ. Về vấn đề này, trong phạm vi giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện của bà Á, Hội đồng xét xử chỉ xem xét, giải quyết đến khoản nợ giữa bà Á và bà Ng, anh Ph mà không xem xét, giải quyết đến việc bà Á giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Ng; hơn nữa theo bà Á trình bày thì mục đích giữ sổ đỏ là để làm tin, khi nào bà Ng, anh Ph trả xong nợ thì bà Á sẽ trả lại sổ đỏ, không phải là biện pháp bảo đảm khoản vay nên trong trường hợp các bên có tranh chấp đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên thì sẽ được giải quyết bằng vụ việc khác nếu có yêu cầu, khởi kiện.

[2.5] Bà Ng và anh Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.450.000 đồng (chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) theo quy định tại các Điều 147, 150 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; hoàn trả tạm ứng án phí cho bà Á.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 91, 92, 144, 147, 150, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005, các Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Buộc Bà Nguyễn Thị Quỳnh N và anh Hồ Anh Ph có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Á số tiền nợ tổng cộng là 189.000.000 đồng (một trăm tám mươi chín triệu đồng), trong đó nợ gốc là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) và nợ lãi là 39.000.000 đồng (ba mươi chín triệu đồng).

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Bà Nguyễn Thị Quỳnh N, anh Hồ Anh Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.450.000 đồng (chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Á số tiền tạm ứng án phí 4.725.000 đồng (bốn triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2018/0003523 ngày 14/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện S;
- CCTHADS huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Đô